

Bản án số: 25/2018/HS-ST
Ngày 16-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

- Nguyễn Hữu H, sinh năm 1997; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975 (chết) và bà Đặng Thị Thùy D, sinh năm 1976; có vợ Nguyễn Lê Như T, sinh năm 1995 và có 01 người con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 27 ngày 23/10/2018.

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Võ Văn V, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Nguyễn Thị D, sinh năm 1939 (có đơn xin vắng mặt)

Trần Trúc L, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:** Lê Văn Đ, sinh năm 1983 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 20/9/2018, Nguyễn Hữu H một mình đi bộ ngang vừa phế liệu của Võ Văn V, địa chỉ ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì nhìn thấy 02 cái bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12v – 75Ah ở bên phải cabin xe tải biển số 66C – 053.54 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H về nhà bà Nguyễn Thị D (bà nội H) cách vị trí xe tải khoảng 100mét chuẩn bị 01 cây cờ lê (một đầu số 10 và một đầu số 12), 01 cây kéo và 01 cái bao.

Đến 22 giờ cùng ngày, H đi đến xe tải của V dùng cờ lê mở 04 con ốc trên 02 dây điện nối 04 cọc bình với nhau và dùng cây kéo cắt 01 sợi dây điện nối vào cọc bình. Thực hiện xong, H lấy 02 cái bình mang về nhà, rồi gọi điện thoại kêu Trần Trúc L đến nhà Lê Hữu L mượn xe mô tô chở H đi công chuyện, mượn được xe L chạy đến nhà H, H lấy 02 cái bình đựng trong cái bao để phía trước xe và chở L đến thị xã H bán cho người tên U (không rõ họ, năm sinh và địa chỉ) nhưng do liên lạc với U không được nên H điều khiển xe chở L về nhà cất giấu 02 bình ắc qui trong nhà. Đến ngày 21/9/2018, V phát hiện bị mất 02 cái bình nên báo Công an xã mời H làm việc và thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 cái bình ắc qui nhãn hiệu dongnai pinaco, loại bình 12v – 75Ah, màu đen, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, có đóng số 322307180656 ở mặt trên giữa hai cọc bình; 01 cái bình ắc qui nhãn hiệu dongnai pinaco, loại bình 12v – 75Ah, màu đen, tay cầm bằng nhựa màu đỏ, có đóng số 322307180632 ở mặt trên giữa hai cọc bình; 01 cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, trên thân có chữ ATC, một đầu số 10 và 01 đầu số 12; 01 cái bao màu trắng có dòng chữ THANH – AG màu đỏ, kích thước 103cm x 56cm; 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, dài 24cm, rộng 2,4cm, lưỡi kéo dài 14cm, mũi nhọn, bên ngoài tay cầm được bao nhựa màu đen (tất cả đã qua sử dụng).

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 24/BKLDGTS ngày 03/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: 02 cái bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12v – 75Ah, đã qua sử dụng, tổng giá trị định giá 3.550.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 30/CT-VKS-TN ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu H: Khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” nêu trên như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, có ý kiến trình bày: Trong quá trình điều tra cơ quan công an đã thu hồi toàn bộ tài sản và đã trao trả cho anh V đã nhận lại xong, không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H mức án tù 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên cáo trạng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận toàn hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/9/2018 của Công an huyện T; Tờ tự nhận ngày 21/9/2018 của bị cáo H; Bản kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật đều sẽ bị trừng trị. Bản thân bị cáo có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì muốn có tiền sinh hoạt chi tiêu cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân mình. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa gây thiệt hại tài sản; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, bị cáo thuộc dạng hộ nghèo, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên xem xét tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] *Về vật chứng của vụ án:*

Đối với 02 cái bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai, loại bình 12v – 75Ah của Võ Văn V. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại V nhận 02 cái bình xong đúng quy định nên không xem xét.

Đối với những vật chứng mà H sử dụng vào việc trộm tài sản gồm: 01 cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, trên thân có chữ ATC, một đầu số 10 và một đầu số 12; 01 cái bao màu trắng có dòng chữ THANH – AG màu đỏ, kích thước 103cm x 56cm; 01 cây kéo bằng kim loại màu đen, dài 24cm, rộng 2,4cm, lưỡi kéo dài 14cm, mũi nhọn, bên ngoài tay cầm được bao nhựa màu đen (tất cả đã qua sử dụng) là của bà Nguyễn Thị D (bà nội H), bà D không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên xem xét trả lại cho bà D là phù hợp theo khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Đối với Trần Lúc L quá trình điều tra, H khai nhận có gọi điện thoại nhờ L mượn xe của Lợi đi công chuyện, L không biết H rủ đi thị xã H bán tài sản trộm được nên không xem xét đồng phạm trong vụ án.

[6] Đối với L cho H mượn xe, cơ quan điều tra làm việc L không biết H sử dụng vào việc phạm tội và hiện L đi thành phố H làm thuê và mang theo xe mô tô nên không xem xét xử lý trách nhiệm đối với L.

[7] Đối với U ở thị xã H mà H liên lạc để bán 02 cái bình, hiện cơ quan điều tra chưa làm việc được với U, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

[8] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị cáo không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho Nguyễn Thị D: 01 (một) cây cờ lê bằng kim loại, dài 12cm, trên thân có chữ ATC, một đầu số 10 và một đầu số 12; 01 (một) cái bao màu trắng có dòng chữ THANH – AG màu đỏ, kích thước 103cm x 56cm; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu đen, dài 24cm, rộng 2,4cm, lưỡi kéo dài 14cm, mũi nhọn, bên ngoài tay cầm được bao nhựa màu đen (tất cả đã qua sử dụng) .

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu H phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải nộp án phí.

4. Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông